



THAM LUẬN
CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA THỊ TRƯỜNG KHÍ VIỆT NAM

Bình Thuận- ngày 26/5/2022

NỘI DUNG

1. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ PV GAS
2. THỰC TRẠNG THỊ TRƯỜNG KHÍ VIỆT NAM
3. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC
4. KIẾN NGHỊ

1. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN PV GAS

Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PV GAS)

Thành lập: năm 1990.

Công ty mẹ: PetroVietnam (PVN). Công ty cổ phần từ 2011, PVN: 95,8%.

Vốn điều lệ: 19.139 tỷ đồng.

Vốn chủ sở hữu: 45.500 tỷ đồng

Ngành nghề kinh doanh: Thu gom - xuất, nhập khẩu - vận chuyển - chế biến - tồn trữ - kinh doanh khí và sản phẩm khí.



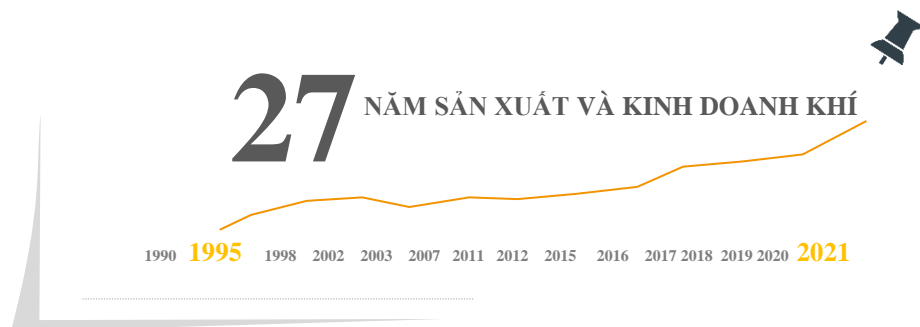
Tổng tài sản: 61.704 tỷ đồng – trên 2,5 tỷ USD



2. THỰC TRẠNG THỊ TRƯỜNG KHÍ VIỆT NAM

Từ 4/1995 đến 2021

- **Cung cấp**
 - 157 tỷ m³ khí*
 - 20 triệu tấn LPG*
 - 2 triệu tấn Condensate*
- **Vận hành, sản xuất, kinh doanh**
 - An toàn, ổn định, liên tục, hiệu quả*



HÀNG NĂM

- ☑ **Khí tiêu thụ: 9-10** Tỷ m³/năm
(đáp ứng nguyên nhiên liệu SX trên 15% sản lượng điện, 70% nhu cầu phân đạm toàn quốc; 100% thị phần khí công nghiệp qua đường ống và CNG ; 70% sản lượng LPG bán buôn toàn quốc)
- ☑ **LPG tiêu thụ: 1,9-2** Triệu tấn/năm
(chiếm trên 70% thị phần cả nước)
- ☑ **Condensate tiêu thụ: 60** Nghìn tấn/năm

2.1. TỔNG QUAN TIỀM NĂNG VỀ NGUỒN CUNG KHÍ

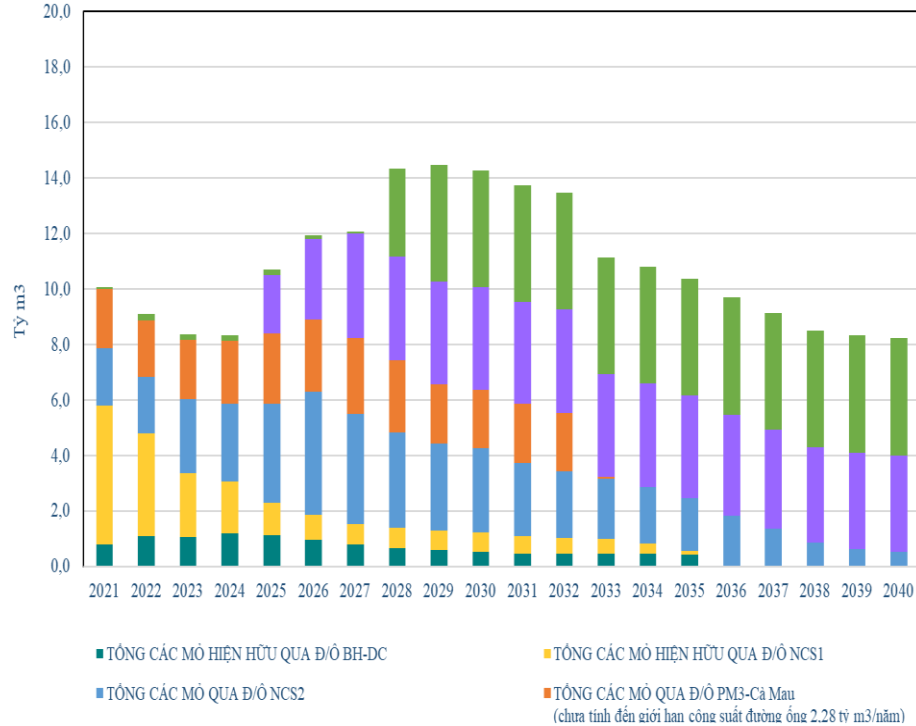
Sản lượng khí khai thác hằng năm giai đoạn 2015-2021 (ĐVT: tỷ Sm³)



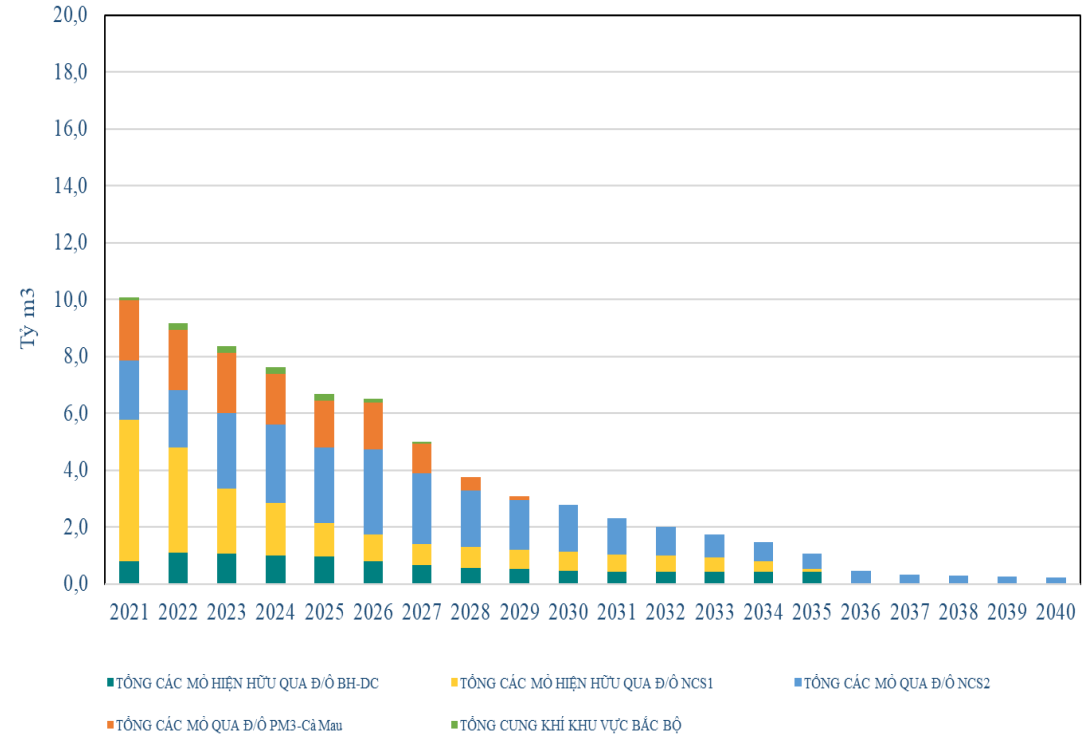
Nguồn cung khí tự nhiên của PV GAS chủ yếu đến từ các nguồn khí khai thác nội địa tại 04 bể khí là Cửu Long, Nam Côn Sơn, Malay-Thổ Chu và Sông Hồng với sản lượng khí ẩm có khả năng khai thác và đưa vào bờ khoảng 9-10 tỷ m³/năm.

2.1. TỔNG QUAN TIỀM NĂNG VỀ NGUỒN CUNG KHÍ (TIẾP THEO)

KHẢ NĂNG CUNG CẤP KHÍ CẢ NƯỚC GIAI ĐOẠN NĂM 2021-2040

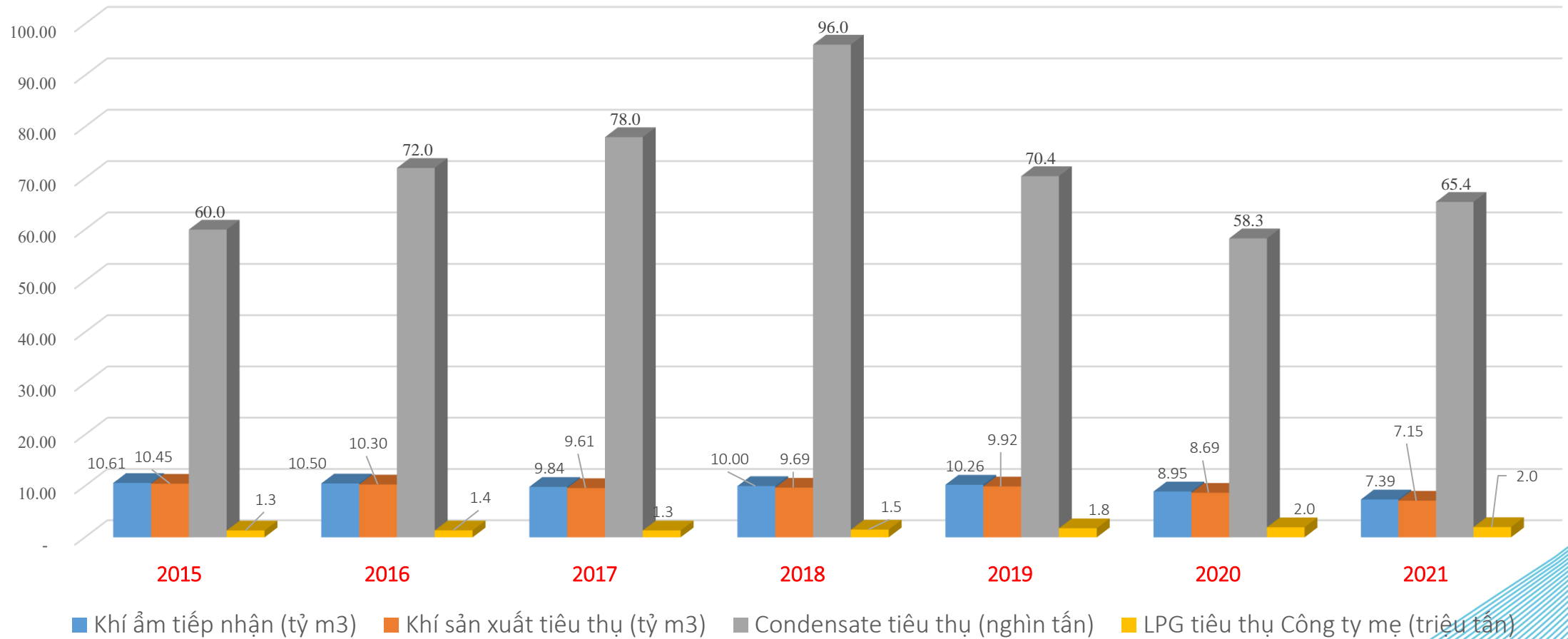


KHẢ NĂNG CUNG CẤP KHÍ CẢ NƯỚC CÁC MÔ HIỆN HỮU GIAI ĐOẠN NĂM 2021-2040

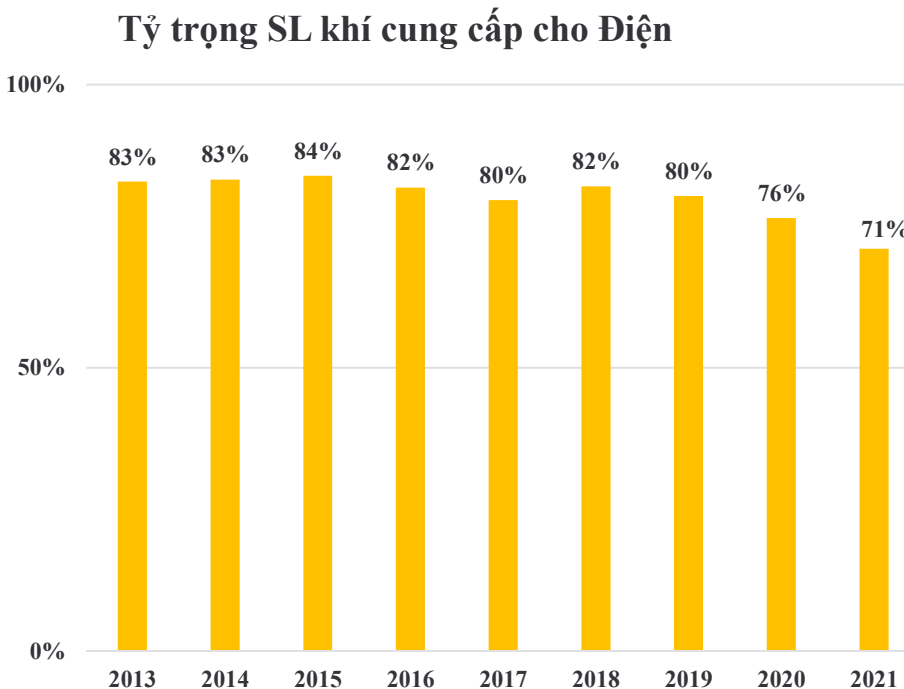


Tiềm năng về nguồn cung khí nội địa không lớn, cao nhất khoảng 14 tỷ m³ khí/năm GD 2025 – 2029 và sẽ giảm nhanh vào các năm tiếp theo. Các nguồn khí có giá thành thấp, chất lượng tốt suy giảm nhanh như Rồng Đồi, Lan Tây, Lan Đỏ, nguồn khí từ Bể Cửu Long, trong khi đó các nguồn khí mới dự kiến được đưa vào đều có chi phí và giá khí cao. Vì vậy, các dự án nhập khẩu khí LNG cần được tích cực nghiên cứu, triển khai; trước mắt là dự án kho LNG Thị Vải 1 triệu tấn/năm dự kiến đưa vào vận hành từ cuối 2022 cần được tích cực triển khai theo tiến độ.

2.2 SẢN LƯỢNG CUNG CẤP RA THỊ TRƯỜNG HÀNG NĂM CỦA PV GAS



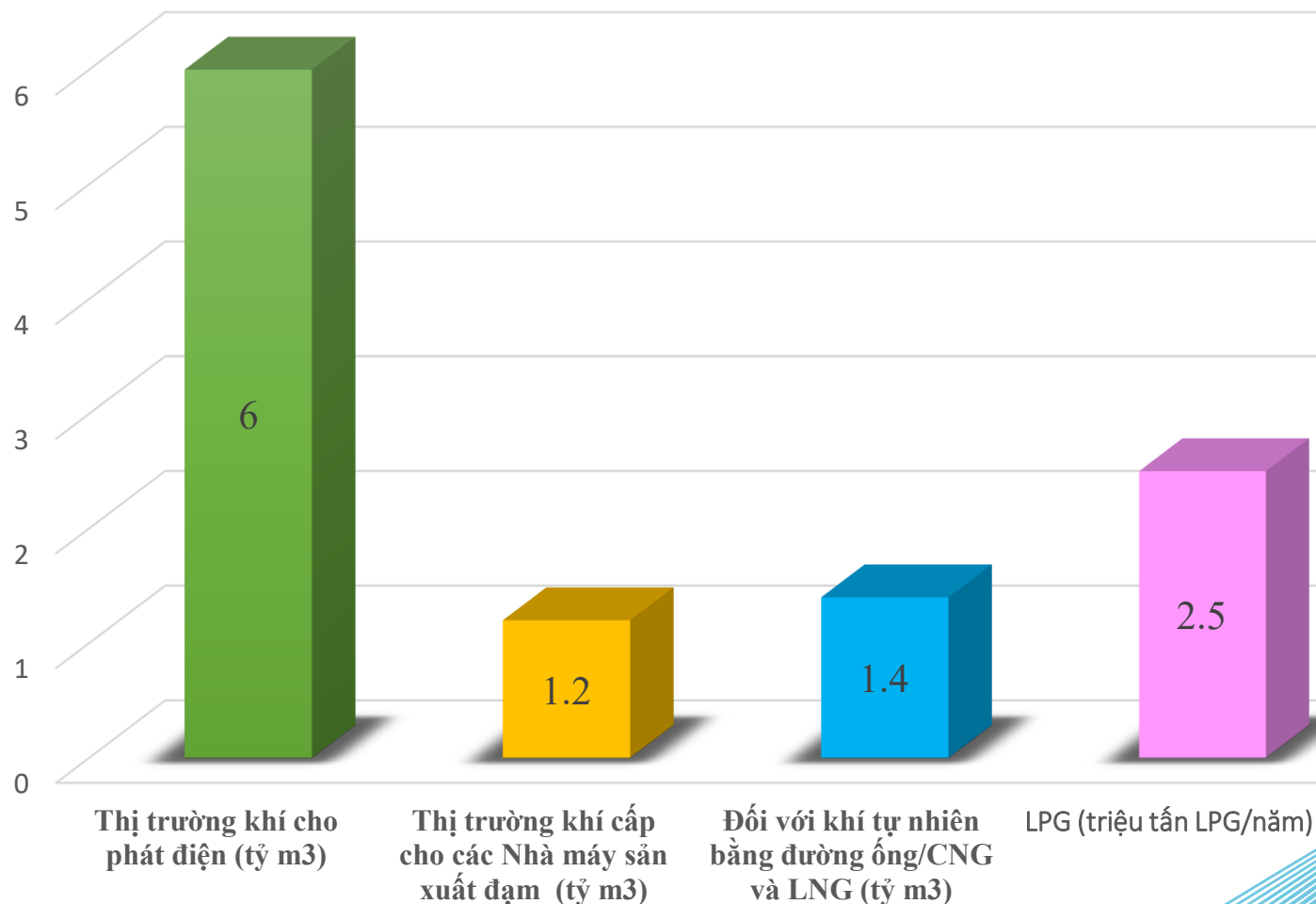
2.3 CƠ CẤU TỶ LỆ KHÁCH HÀNG TIÊU THỤ KHÍ



Thị trường tiêu thụ khí tự nhiên chủ yếu là các khách hàng điện, đạm với sản lượng chiếm 86% (điện 71%, đạm 15%), khách hàng công nghiệp khoảng 14%. Với các ảnh hưởng của dịch Covid 19, xu hướng chuyển dịch năng lượng, các cam kết của Chính phủ về chống biến đổi khí hậu tại COP26, bức tranh về cung cấp năng lượng tại Việt Nam sẽ có sự thay đổi đáng kể.

2.4 TIỀM NĂNG THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ KHÍ SAU 2021

- Tiềm năng của thị trường khí Việt Nam không lớn nếu chỉ dựa vào các thị trường kinh doanh truyền thống.
- Sự thay đổi nhanh về cơ cấu nguồn điện, sự dịch chuyển về năng lượng chỉ là các nhân tố làm thúc đẩy nhanh hơn quá trình thay đổi.
- Cần có các định hướng thay đổi về thị trường, các biện pháp để tiếp tục duy trì đà tăng trưởng và tối ưu hóa lợi thế kinh doanh.



Trong trường hợp có các Nhà máy điện Ô Môn sử dụng khí Lô B: dự kiến thị trường khí cho phát điện tăng lên khoảng 10-11 tỷ m³ khí

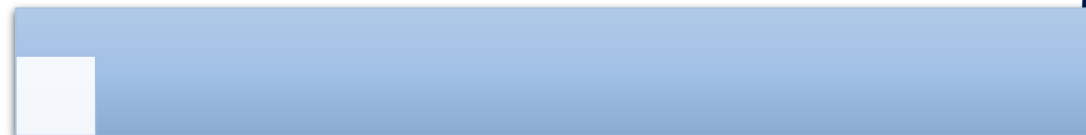
3. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

02 CƠ HỘI



- Chuyển dịch năng lượng từ các nhà máy điện than, dầu sang nhà máy điện khí LNG
- Việc duy trì điện khí nội địa

03 THÁCH THỨC



- Sự tăng trưởng của năng lượng tái tạo.
- Các dự án điện khí LNG hiện đang có xu hướng phát triển dàn trải, thiếu đồng bộ
- Giá mua khí LNG biến động mạnh, thiếu tính ổn định và chênh lệch lớn giữa giá term và spot

3.1. CƠ HỘI

1

Chuyển dịch năng lượng từ các nhà máy điện than, dầu sang nhà máy điện khí LNG

- Dự thảo Quy hoạch điện VIII cũng xác định rõ quan điểm phát triển là giảm tối đa các nhà máy nhiệt điện than với mục tiêu giảm tối đa phát thải khí CO₂; không phát triển thêm nhà máy nhiệt điện than mới; xem xét chuyển đổi một số nguồn điện sử dụng nhiên liệu than sang LNG.

2

Việc duy trì điện khí nội địa

- Bên cạnh định hướng phát triển điện khí LNG, Dự thảo Quy hoạch điện VIII cũng đã ưu tiên sử dụng hết lượng khí khai thác trong nước nhằm tăng tính chủ động trong sản xuất điện. Đây là cơ hội để tiếp tục khai thác và phát triển các mỏ khí trong nước, đặc biệt là nguồn khí đồng hành và mỏ nhỏ, mỏ cận biên.

3.2. THÁCH THỨC

1. Sự tăng trưởng của năng lượng tái tạo

- Dự thảo quy hoạch điện VIII cũng nêu rõ quan điểm đảm bảo mục tiêu cam kết của Thủ tướng Chính phủ tại hội nghị COP26 về trung hòa carbon vào năm 2050; và định hướng quy hoạch điện lực quốc gia có lộ trình phù hợp chuyển dần các nguồn điện LNG sang sử dụng hydrogen; đồng thời quy hoạch phát triển các nguồn điện năng lượng tái tạo và năng lượng mới (điện gió, điện mặt trời, chất thải rắn...), tiếp tục gia tăng tỷ trọng điện năng sản xuất từ các nguồn năng lượng tái tạo, phù hợp với khả năng vận hành của hệ thống điện quốc gia và từng vùng.
- Sự phát triển nguồn năng lượng tái tạo đang dần chiếm vị trí đáng kể trong cơ cấu nguồn điện, do lợi ích to lớn trong việc tận dụng tối đa nguồn thiên nhiên vô tận (như gió, mặt trời...), đồng thời cũng như góp phần giảm tác động của hiệu ứng nhà kính và biến đổi khí hậu gây ra.
- Việc phát triển, tăng trưởng của năng lượng tái tạo sẽ một thách thức lớn đối với thị trường điện khí LNG và thị trường điện khí nội địa trong tương lai song đây vẫn sẽ là sự lựa chọn phù hợp với Việt Nam nhằm chuyển đổi sang phát triển kinh tế xanh, bền vững.

3.2. THÁCH THỨC (tiếp)

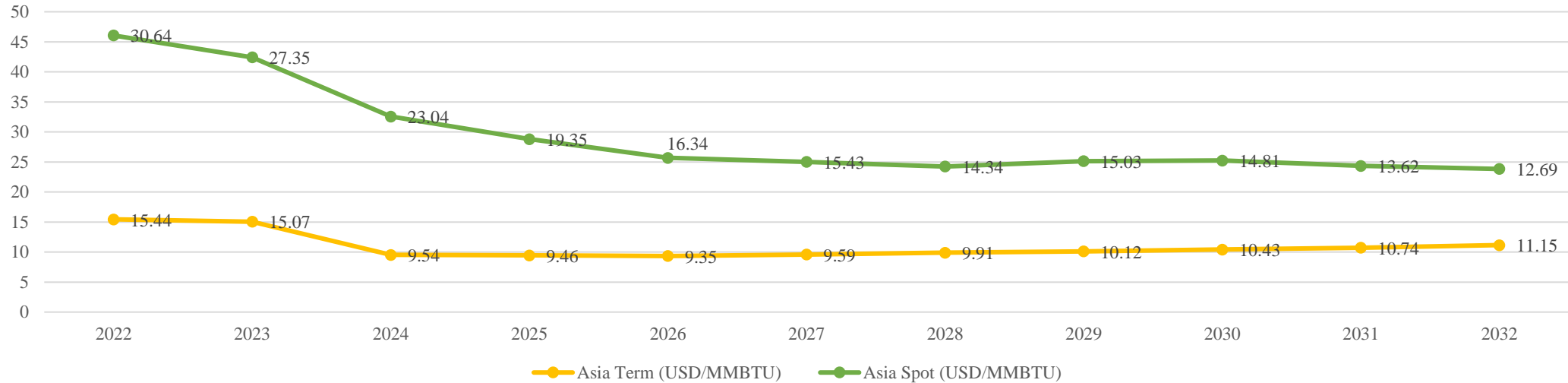
2. Các dự án điện khí LNG hiện đang có xu hướng phát triển dần trải, thiếu đồng bộ

- Hiện nay, hầu hết các dự án nhà máy điện sử dụng LNG đang đề xuất đều theo cùng một cấu hình: “01 Trung tâm Điện lực (Nhà máy điện) + 01 Kho cảng nhập LNG và tái hóa khí (hoặc FSRU)”. Điều này, đồng nghĩa với việc có bao nhiêu Trung tâm Điện lực (Nhà máy điện) thì sẽ xuất hiện bấy nhiêu Kho cảng nhập LNG và tái hóa khí xuất hiện phủ kín dọc theo suốt chiều dài bờ biển Việt Nam (từ Quảng Ninh đến Cà Mau).
- Việc quản lý các đề xuất phát triển các dự án nhà máy điện LNG hiện nay dường như có xu hướng thiếu đồng bộ chiến lược lâu dài, mà chủ yếu xuất phát từ các đề xuất từ các địa phương và các nhà đầu tư. Chính vì điều này mà hầu hết các dự án đề xuất trong thời gian qua đều mang tính riêng lẻ và độc lập, không thể tận dụng hết nguồn lực hạ tầng sẵn có và lãng phí tài nguyên cảng biển, khó kết nối tạo thành 1 hệ thống hạ tầng LNG tổng thể chung, qua đó khó có thể đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và duy trì sự ổn định và đồng bộ với quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật cung cấp khí trên toàn quốc. Thực tế triển khai xây dựng và vận hành cho thấy các quốc gia trên thế giới đều chọn phát triển các cụm nhà máy điện sử dụng LNG với cảng tiếp nhận LNG có công suất lớn để tối ưu chi phí phát triển hạ tầng đường ống dẫn khí giữa cảng tới các nhà máy điện, và đường dây truyền tải tới các trung tâm tiêu thụ điện.

3.2. THÁCH THỨC (tiếp)

3. Giá mua khí LNG biến động mạnh, thiếu tính ổn định và chênh lệch lớn giữa giá term và spot

DỰ BÁO GIÁ LNG THEO TƯ VẤN IHS MARKIT



Giá LNG	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	2031	2032
Asia Term (USD/MMBTU)	15,44	15,07	9,54	9,46	9,35	9,59	9,91	10,12	10,43	10,74	11,15
Asia Spot (USD/MMBTU)	30,64	27,35	23,04	19,35	16,34	15,43	14,34	15,03	14,81	13,62	12,69
Chênh lệch (2-1)	15,2	12,28	13,5	9,89	6,99	5,84	4,43	4,91	4,38	2,88	1,54
Tỷ lệ % chênh lệch (Spot/Term)	98%	81%	142%	105%	75%	61%	45%	49%	42%	27%	14%

Giá LNG biến động mạnh, thiếu tính ổn định và chênh lệch lớn giữa giá term và spot. Giá LNG vẫn giữ ở mức cao trong các năm tới sẽ ảnh hưởng tới việc triển khai các dự án LNG trước mắt cũng như trong trung hạn vì tính bất định nguồn cung khí LNG do hậu quả đại dịch Covid-19 và cuộc xung đột Nga - Ucraina

4. KIẾN NGHỊ

Để đảm bảo phát triển ổn định của thị trường kinh doanh khí kiến nghị Bộ Ngành xem xét:

1. Việc chuyển dần các nguồn điện LNG sang sử dụng hydrogen cần được Chính phủ và các cấp Bộ, Ngành cân nhắc và đưa ra lộ trình phù hợp và hài hòa nhằm đảm bảo hiệu quả và khuyến khích dòng vốn đầu tư vào các dự án điện khí LNG. Đồng thời cũng cần xây dựng hành lang pháp lý cho việc triển khai các Dự án hydrogen và cũng như xây dựng các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn quốc gia về hydrogen, tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho việc thực hiện phát triển các dự án hydrogen và thị trường hydrogen trong tương lai.
2. Cần xây dựng mô hình đầu tư chuỗi khí - điện theo mô hình “Kho cảng LNG trung tâm (LNG Hub) cung cấp nguồn khí tái hóa cho các Trung tâm Nhiệt điện khí vệ tinh trên toàn quốc” đối với các dự án kho cảng nhập khẩu LNG nhằm đảm bảo tính khả thi, hiệu quả, đồng bộ và kết nối của cả chuỗi. Đồng thời có cơ chế giao cho các Tập đoàn/Tổng công ty nhà nước những đơn vị có đủ năng lực, uy tín và kinh nghiệm thực hiện vai trò chủ lực, dẫn dắt để triển khai đầu tư phát triển hạ tầng nhập khẩu LNG quốc gia nhằm tận dụng tối đa nguồn lực về cơ sở hạ tầng cảng biển, kho chứa, đường ống... đảm bảo an toàn, an ninh năng lượng và lợi ích tổng thể quốc gia tránh gây lãng phí đầu tư hạ tầng phân tán/rời rạc và nguồn lực xã hội.
3. Bên cạnh đó, cũng cần xây dựng các cơ chế cụ thể để khuyến khích khai thác các nguồn khí trong nước, đặc biệt là nguồn khí đồng hành và mỏ nhỏ, mỏ cận biên trên cơ sở tính toán hiệu quả tổng thể từ thượng nguồn đến hộ tiêu thụ cũng như cân đối hài hòa giữa sản lượng nhập khẩu và sản lượng khai thác khí trong nước.
4. Do giá LNG biến động mạnh, thiếu tính ổn định và chênh lệch lớn giữa giá term và spot nên Chính phủ và các cấp thẩm quyền cần xây dựng cơ chế về giá khí LNG bán cho các hộ tiêu thụ điện phù hợp để đảm bảo hiệu quả và kích thích đầu tư cho các dự án điện khí LNG.



TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!